

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10/02/2025

Về việc “tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Cao Thị Thu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Hoàn Thiện và ông Lê Bá Tự.

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Công Tân – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Tuyết Nhi – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 195/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** chị Lý Thị Kiều N, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Xin vắng mặt.

2. **Bị đơn:** anh Đào Minh N1, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn C, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tài liệu có tại hồ sơ nguyên đơn chị Lý Thị Kiều N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh N1 tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 27/7/2020. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, dù hai bên gia đình đã nhiều lần can thiệp hàn gắn nhưng không được. Từ tháng 01/2024, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh N1.

Về con chung: có 01 con chung là Đào Trúc Quỳnh T, sinh ngày 03/9/2020. Hiện nay bé T đang được anh N1 nuôi dưỡng ở thôn C, xã H. Chị N

đồng ý giao cháu T cho anh N1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu tòa giải quyết.

Quá trình giải quyết, bị đơn anh Đào Minh N1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bị đơn không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Các đương sự được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt, đề nghị Tòa án tiến hành xét xử theo quy định.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị N: về quan hệ hôn nhân cho chị N được ly hôn anh N1; về con chung: giao con chung cho anh N1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; chị N không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Lý Thị Kiều N khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Đào Minh Ngân hiện đang cư trú tại thôn C, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa.

[1.2] Nguyên đơn và bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh N1 tự nguyện tìm hiểu nhau, đi đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân xã H cấp Giấy chứng nhận kết hôn Số 45 ngày 27/7/2020 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị N và anh N1 phát sinh nhiều mâu thuẫn lý do bất đồng quan điểm sống, dù cả hai đã được hai bên gia đình nhiều lần hàn

gắn nhưng không thành, nên từ tháng 01/2024, vợ chồng sống ly thân cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Điều này phù hợp với kết quả xác minh do trưởng ấp M và trưởng thôn Cẩm S cung cấp là anh N1 và chị N đã không sống chung trên 01 năm, chị N đang sinh sống tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, còn anh N1 sinh sống ở thôn C, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Quá trình Tòa án giải quyết, anh N1 được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa, cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị N. Xét thấy, vợ chồng chị N và anh N1 đã có khoảng thời gian sống ly thân dài nhưng chưa hàn gắn được, nay chị N yêu cầu ly hôn, anh N1 không đến Tòa án để hòa giải, giải quyết mâu thuẫn là không quan tâm níu kéo, hàn gắn, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N được ly hôn với anh N1.

[2.2] Về con chung: có 01 con chung là Đào Trúc Quỳnh T, sinh ngày 03/9/2020, hiện nay bé T do anh N1 nuôi dưỡng ở thôn C, xã H. Chị N đồng ý giao cháu T cho anh N1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Theo kết quả xác minh do trưởng thôn C cung cấp thì anh N1 có trình bày muốn được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T do đó để đảm bảo cho cháu được chăm sóc, phát triển ổn định cả về thể chất và tinh thần thì cần chấp nhận yêu cầu giao cháu T cho anh N1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: căn cứ Điều 27 nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 82, 83, 84, 107, 116 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lý Thị Kiều N vì có căn cứ.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lý Thị Kiều N được ly hôn với anh Đào Minh N1.

2. Về con chung: giao con chung là Đào Trúc Quỳnh T, sinh ngày 03/9/2020 cho anh N1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền được thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con

chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: chị Lý Thị Kiều N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004890 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Phú Hoà ;
- Chi cục THADS huyện Phú Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Quang Bắc;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Cao Thị Thu Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Bảy Lê Thanh Khánh

Nguyễn Hữu Duyên